

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2017/HSST

Ngày: 04-7-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Nguyễn Phin

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thanh Tịnh

2. Ông Triệu Hoàng Trung

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Hữu Hà – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Nông Quang Hưng – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 39/2017/HSST ngày 22 tháng 5 năm 2017 đối với bị cáo:

Hán Thị T, sinh ngày 28 tháng 02 năm 1975. Nơi ĐKKHKT: Khu 6, xã G, huyện P1, tỉnh P; chỗ ở: N S, B T, Q T, Trung Quốc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa 7/12; dân tộc: Kinh; con ông Hán Đình B, sinh năm 1944 và bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1948; có chồng là Trương Thuận N, sinh năm 1980; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 27/12/2016 đến nay. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà Chu Thị Bích T – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- Người bị hại:

1. Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1957, trú tại: Thôn T1, xã Q, huyện X, tỉnh T. Có mặt.

2. Chị Đỗ Thị B, sinh năm 1987, trú tại: Thôn 2, xóm 1, xã H, thị xã Q1, tỉnh Q. Có mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Chị Ngô Thị G (B), sinh năm 1983, trú tại: Khu 13, phường H, thị xã Q1, tỉnh Q. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong khoảng thời gian từ ngày 02/8/2016 đến 27/12/2016, Hán Thị T bằng thủ đoạn gian dối, đưa ra thông tin sai sự thật là quen biết người ở cơ quan pháp luật Trung Quốc, lo chạy án được cho Đỗ Thị N và Nguyễn Thị L để chiếm đoạt tài sản của gia đình ông Nguyễn Văn D và gia đình chị Đỗ Thị B, cụ thể:

Ngày 01/08/2016 Ngô Thị G (B) nhận được tin nhắn của em gái là Ngô Thị T1, hiện đang làm massage ở Trung Quốc cho biết Đỗ Thị N là chị gái của Đỗ Thị B đang bị Công an Trung Quốc bắt giữ cùng Nguyễn Thị L, về tội trộm cắp tài sản. Do trước đó từng làm việc ở bên Trung Quốc và quen biết Hán Thị T nên G gọi điện cho T hỏi xem có thể lo giúp cho N ra được không, T nói có thể lo được nhưng phải mất 40.000 NDT (Bốn vạn Nhân dân tệ). G gọi điện thoại cho Đỗ Thị B báo rằng chị N và một người tên Nguyễn Thị L, sinh năm 1982, quê ở T do mâu thuẫn với một người tên T2 đã đốt sổ thông hành và lấy 6000 NDT của T2. G nói với B nếu cầm số tiền 150.000.000 đồng mang sang Trung Quốc và đưa cho một người tên T, người này sẽ lo việc chạy án cho N. Sau đó, T lấy điện thoại của N gọi điện cho B nói: “Chị là bạn của G, người vừa gọi điện cho em xong, chị có thể lo cho N ra tù được nhưng phải mất tiền, nếu mang sang ngay thì còn lo kịp”, B đồng ý. Cùng ngày, T cũng gọi điện cho ông Nguyễn Văn D (ông D là bố của L), báo cho ông D biết L đang bị công an Trung Quốc bắt giữ vì tội trộm cắp tài sản và bảo ông D nếu gửi 66 vạn NDT thì T có thể lo việc chạy án cho L bên Trung Quốc.

Ngày 02/8/2016, vợ chồng B đi từ tỉnh Q lên Lạng Sơn để qua cửa khẩu H N sang B T, Trung Quốc. Qua cửa khẩu, T và Ngô Thị T1 (em gái của G) đón vợ chồng B và đưa về nhà trọ của T tại: Khu N S, B T, Quảng Tây, Trung Quốc; T1 đi đón thêm một người phụ nữ tên Nguyễn Thị H, quê ở Q, đang làm việc bên Trung Quốc đến chứng kiến việc giao tiền. Tại nhà trọ của T, vợ chồng B đã đưa T 40.000 NDT, có sự chứng kiến của Ngô Thị T1 và Nguyễn Thị H. Sau khi giao tiền, vợ chồng B đi ăn cùng T rồi bắt xe khách về Q. Trên đường về B nhận được điện thoại của T với nội dung: “Chị đã trao đổi với Công an Trung Quốc rồi, họ nói phải thêm 2 vạn NDT thì mới xong được, em xem nếu không đồng ý ngay mà họ đưa lên tỉnh lập án thì phải mất 6 đến 10 năm tù, nếu chuyển tiền thì sau một tuần N sẽ được thả”. Vì lo sợ N bị kết án bên Trung Quốc và tin những lời T vừa nói nên gia đình B tiếp tục chuẩn bị tiền để đưa cho T chạy án cho N. Nhưng thực tế sau khi cầm tiền của vợ chồng B, T đã không liên hệ với ai và cũng không quen biết ai ở các cơ quan pháp luật của Trung Quốc để lo chạy án được, nhưng T vẫn cứ hứa hẹn để nhằm mục đích chiếm đoạt tiền của gia đình B.

Ngày 04/8/2016, ông D đã cùng cháu là Mạnh Văn Q đi xe khách lên Lạng Sơn để sang B T, Trung Quốc. Khi đi qua cửa khẩu H N, ông D gặp chị B cùng người nhà cũng sang B T, Q T, Trung Quốc để giao tiền cho T. Sau đó, T đón mọi người về một nhà nghỉ của T (không rõ địa chỉ) ở khu N S, B T, Trung Quốc. Tại

đây, ông D đã đưa cho T 1 vạn NDT và 70.500.000 đồng tiền Việt Nam; B giao lần thứ hai số tiền 5000 NDT cho T, nhưng không viết giấy biên nhận. Do nghi ngờ bị T lừa nên chị B đã bảo Trương Đức K (là em rể của N) ghi âm, quay phim toàn bộ sự việc giao tiền giữa ông D, chị B và T.

Sau khi nhận tiền của ông D và chị B được khoảng 5 ngày, T biết bản thân không lo chạy án được cho N, L nhưng vẫn tiếp tục gọi điện bảo ông D chuyển số tiền 3 vạn NDT; ông D bảo không có tiền và thời gian để sang Trung Quốc đưa tiền. T nói gửi tiền qua tài khoản của Ngô Thị G, số tài khoản 711A81202758 tại Ngân hàng công thương huyện Q1, tỉnh Q cho T. Ngày 08/8/2016, ông D chuyển số tiền 60.000.000 VNĐ vào tài khoản của chị Ngô Thị G cho T, sau đó G rút tiền để mang lên cửa khẩu H N giao cho T. Tại đây, T đã rút 1.000.000 VNĐ đưa cho G bảo gửi về cho bà Nguyễn Thị L (mẹ đẻ G) ăn rằm tháng 7/2016 âm lịch.

Không thấy N, L được thả về Việt Nam, lo bị T lừa nên ông D, chị B đã gọi điện hỏi T, nhưng T bảo tiếp tục chờ tin tức của L và N, đồng thời yêu cầu mỗi gia đình gửi thêm cho T 5000 NDT để nộp tiền phạt và tiền ăn uống trong trại của N, L. Sau đó gia đình ông D và gia đình chị B tiếp tục sang Trung Quốc đưa tiền cho T. Lần này ông D đưa cho T 16.500.000 đồng; chị B đưa cho T 5000 NDT nhưng sau đó giữ lại 1500 NDT; T nhận được 3500 NDT và hẹn một tuần nữa thì L, N sẽ được về Việt Nam. Ngày 20/12/2016, T gọi điện bảo ông D, chị B chuyển nốt số tiền còn thiếu để lo việc chạy án cho N, L nhưng nghi ngờ việc đã bị T lừa nên hai gia đình đã không chuyển tiền cho T nữa.

Đến ngày 25/12/2016, ông D nhận được thư của L gửi từ Trại giam Long Châu – Trung Quốc dặn gia đình không được tin lời người khác dụ dỗ đưa tiền để chạy án vì Viện kiểm sát Long Châu đã làm việc với L và nói rõ sẽ xét xử vụ án trong thời gian tới. Đến ngày 26/12/2016, không thấy L, N trở về như lời T hứa hẹn; T vẫn gọi điện yêu cầu ông D, chị B tiếp tục gửi tiền để chạy án. Phát hiện bị T lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên ông D đã đến cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an tỉnh Lạng Sơn trình báo toàn bộ sự việc. Ngày 27/12/2016, tại bến xe phía Bắc, thuộc huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn khi ông D đang giao số tiền 5.000.000 đồng cho T thì bị cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an tỉnh Lạng Sơn bắt.

Với hành vi nêu trên: Tại bản cáo trạng số 43/CT-VKS-P3 ngày 18/5/2017 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Hán Thị T về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm a, khoản 3, Điều 139 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Hán Thị T khai nhận do hoàn cảnh kinh tế gia đình gia đình khó khăn, mẹ bị tai biến không có điều kiện chạy chữa nên bị cáo đã nảy ra ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các bị hại, khi được chị Ngô Thị G là người quen của các bị hại đặt vấn đề chạy tội cho chị N và chị L tại Trung Quốc. Bị cáo thừa nhận đã đưa ra nhưng thông tin giả tạo như có quen biết người ở cơ quan pháp luật bên trung Quốc có thể lo cho N và L không bị giam giữ và không bị xử lý trước pháp

luật của Trung Quốc. Bị cáo thừa nhận toàn bộ số tiền chiếm đoạt của ông D và chị B là 343.910.585VNĐ, số tiền này bị cáo chỉ giữ lại chút ít chi tiêu cá nhân, còn lại gửi về quê chữa bệnh cho mẹ tại tỉnh P. Bị cáo thừa nhận cáo trạng quy kết đối với bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là đúng người, đúng tội, không oan, bị cáo chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

Tại phiên tòa những người bị hại yêu cầu bị cáo khắc phục bồi hoàn toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt của các bị hại và đề nghị xử lý nghiêm hành vi phạm tội của bị cáo Hán Thị T để răn đe đối với người khác.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo: Xác định đây là vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản, xảy ra tháng 8/2016 tại B T, Q T, Trung Quốc. Sau khi đánh giá mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Hán Thị T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; Về hình phạt; áp dụng điểm a, khoản 3, Điều 139; điểm p, khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự 1999 xử phạt bị cáo Hán Thị T từ 09 đến 10 năm tù giam.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc Hán Thị T phải trả cho Ông Nguyễn Văn D số tiền 180.500.000 VNĐ và trả cho chị Đỗ Thị B số tiền là 162.475.000 VNĐ.

Đại diện Viện kiểm sát không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Lời bào chữa của Trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quyền lợi cho bị cáo đồng nhất với quan điểm của Viện kiểm sát về tội danh và khung hình phạt truy tố. Tuy nhiên Trợ giúp viên pháp lý cho rằng tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bố, mẹ của bị cáo được Nhà nước tặng Kỷ niệm chương Thanh niên xung phong, bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo, từ đó Trợ giúp viên pháp lý đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự 1999 Bộ luật Hình sự phạt bị cáo mức án thấp nhất để bị cáo sớm được trở về với gia đình.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Hán Thị T đã thừa nhận mặc dù không quen biết ai ở cơ quan pháp luật bên Trung Quốc, nhưng bị cáo đã bịa ra là có quen biết và có thể chạy án được cho người thân của chị B và ông D mục đích nhằm chiếm đoạt tài sản của các bị hại để chi tiêu cá nhân. Tại phiên tòa bị cáo khẳng định số tiền đó bị cáo không đưa cho ai mà gửi về quê cho mẹ chữa bệnh.

Xét thấy lời nhận tội của bị cáo là phù hợp với khai của những người bị hại, người làm chứng và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cùng với các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ cơ sở xác định Hán Thị T trong thời gian từ ngày 02/8/2016 đến 27/12/2016 đã dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của ông Nguyễn Văn D 180.500.000 đồng và chiếm đoạt tài sản của chị Đỗ Thị B 162.475.000 đồng. Vì vậy; Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố đối với bị cáo Hán Thị T về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, quy định tại điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội. Để có tiền chi tiêu cá nhân, bị cáo đã lợi dụng sự nhẹ dạ cả tin của người bị hại khi con em họ đang bị Công an Trung Quốc bắt giữ, rồi đưa ra thông tin sai sự thật nhằm chiếm đoạt tài sản của họ. Trong một khoảng thời gian tuy ngắn từ tháng 8 đến tháng 12 năm 2016 bị cáo đã liên tục đưa ra những thông tin gian dối, thúc giục người bị hại đưa tài sản cho bị cáo bằng nhiều hình thức chuyển tiền mặt tiền VNĐ hoặc tiền NDT trực tiếp hoặc chuyển qua tài khoản của người khác số tiền bị cáo chiếm đoạt rất lớn. Không những thế, hành vi của bị cáo còn diễn ra tại Trung Quốc, gây khó khăn trong quá trình điều tra. Do vậy, cần phải có chế tài hình sự thật nghiêm khắc đối với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm cải tạo, giáo dục đối với bị cáo và làm bài học răn đe với những người khác đang có ý định phạm tội tương tự.

Để có mức án thỏa đáng đối với bị cáo, Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như sau:

Tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo, bị cáo có bố đẻ là ông Hán Đình B và mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị P được Nhà nước tặng thưởng Kỷ niệm chương thanh niên xung phong nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự 1999 và điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015.

Tình tiết tăng nặng: Phạm tội nhiều lần.

Về hình phạt bổ sung: Qua xác minh tại địa phương bị cáo không đứng tên tài sản gì có giá trị nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Hội đồng xét xử chấp nhận một phần lời bào chữa của Trợ giúp viên pháp lý về việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Đối với Ngô Thị G, Ngô Thị T1, Nguyễn Thị H cùng quen biết T khi đang làm việc bên Trung Quốc, qua điều tra xác định G, T1, H giúp T xuất phát từ tình cảm bạn bè, không được hưởng lợi gì nên cơ quan điều tra không có căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử cũng không đề cập giải quyết.

Do bị cáo bị kết tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch để dung công quỹ nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

I. Tuyên bố: Bị cáo Hán Thị T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự 1999, điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015; xử phạt bị cáo Hán Thị T 10 (Mười) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt (27/12/2016).

II. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự;

Buộc bị cáo Hán Thị T phải chịu trách nhiệm hoàn trả lại cho các bị hại số tiền đã chiếm đoạt cụ thể như sau:

1. Trả cho ông Nguyễn Văn D: 180.500.000đ; (một trăm tám mươi triệu năm trăm nghìn đồng).

Xác nhận Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn đã hoàn trả cho ông Nguyễn Văn D 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) bị cáo còn phải hoàn trả lại cho ông D số tiền là 179.500.000đ (một trăm bảy mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng).

- Chị Đỗ Thị B: 162.475.000đ. (Một trăm sáu mươi hai triệu, bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồng)

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu, bên có nghĩa vụ thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải chịu lãi suất theo lãi suất nợ quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

III. Về xử lý vật chứng:

1. Tịch thu hóa giá sung công quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s Plus màu trắng, vàng có số Imei: 355755071989149 đã qua sử dụng, bên trong có một sim điện thoại Viettel có số thuê bao 0978659413.

2. Tịch thu tiêu hủy: 01(một) thẻ bằng nhựa, góc bên trái có chữ KBC, góc dưới bên phải có chữ Unionpay, trên bề mặt thẻ có dãy số 6212262112002392943 và 01 (một) sim điện thoại, trên mặt sim có dãy số 2014818670326206.

3. Trả lại cho bị cáo Hán Thị T: 01 (một) thẻ ép Plastic một mặt có hình xe máy điện lắp biển số 18662, một mặt góc dưới bên phải có dấu vuông đỏ và 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 132240459, mang tên Hán Thị T.

IV. Về án phí:

Áp dụng điểm a,c khoản 1, Điều 23, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí của Tòa án. Buộc bị cáo Hán Thị T phải chịu

án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 17.145.000 đồng (làm tròn số). Tổng cộng bị cáo phải nộp 17.345.000 đồng (Mười bảy triệu ba trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

Bị cáo, những người bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (04/7/2017).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại HN;
- VKSNDCC tại HN;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- PC 81, PV27 CA tỉnh Lạng Sơn;
- Cục THADS tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo (qua Trại tạm giam);
- Người TGTG khác;
- Lưu HS, THS, KTNV, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Nguyễn Phin

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thanh Tịnh

Triệu Hoàng Trung

Chu Thị Nguyễn Phin

